

KT3-03908BTP3/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

13/07/2023
Page 01/04

1. Tên mẫu : MẬT XOÀI CÔ ĐẶC LOẠI 3
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 04/07/2023
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 04/07/2023 - 13/07/2023
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MTV HOÀNG THANH THÚY
Customer 3145 Ấp Bình Hòa, Xã Xuân Phú, Xuân Lộc, Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02 - 04/04
Test results

P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
DEPUTY HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Hữu Tín

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

KT3-03908BTP3/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

 13/07/2023
 Page 02/04

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/ <i>Limit of Detection</i>	Phạm vi đo/ <i>Range of measurement</i> (≥)	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Năng lượng/ <i>Calories</i>	QTTN/KT3 024:2018		-	252 1054
• kcal/100 g • kJ/100 g				
7.2. Hàm lượng béo, g/100 g <i>Fat content</i>	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)		0,1	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.3. Hàm lượng béo bão hòa, g/100 g <i>Saturated fat content</i>	AOAC 2019 (996.06)		$9,00 \times 10^{-3}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.4. Hàm lượng béo dạng trans, g/100 g <i>Trans fat content</i>	AOAC 2019 (996.06)		$9,00 \times 10^{-3}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.5. Hàm lượng cholesterol, mg/100 g <i>Cholesterol content</i>	AOAC 2019 (994.10)		1,0	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.6. Hàm lượng natri, mg/100 g <i>Sodium content</i>	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	-		139
7.7. Hàm lượng carbohydrate, g/100 g <i>Carbohydrate content</i>	QTTN/KT3 317:2022		-	62,8
7.8. Hàm lượng xơ tiêu hóa, g/100 g <i>Dietary fiber content</i>	QTTN/KT3 271 : 2020 (Ref: AOAC (991.43))		0,50	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Hàm lượng đường tổng qui ra glucose, g/100 g <i>Total sugar content as glucose</i>	QTTN/KT3 178 : 2017 (Ref: TCVN 4594 : 1988)		-	59,2
7.10. Hàm lượng protein, g/100 g <i>Protein content</i>	QTTN/KT3 140 : 2016 Kjeldahl method		-	0,24



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03908BTP3/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



07/2023
Page 03/04

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.11. Hàm lượng vitamin D (D2 (ergocalciferol) + D3 (cholecalciferol)), µg/100 g Vitamin D content	QTTN/KT3 175:2017 (Ref: AOAC (2011.11))	0,4		Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng canxi, mg/100 g Calcium content	QTTN/KT3 167:2017 (Ref: AOAC (985.01))	-		7,21
7.13. Hàm lượng sắt, mg/100 g Iron content	QTTN/KT3 295:2021 (Ref: AOAC 999.11)	-		0,85
7.14. Hàm lượng kali, mg/100 g Potassium content	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	-		110

Ghi chú/ Notes: Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

QUATEST 3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03908BTP3/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

13/07/2023

Page 04/04



8. Dữ liệu về dinh dưỡng (theo yêu cầu của khách hàng)

Nutrition Facts (as client's requirement)

US-FDA 21CFR Part 101

Nutrition Facts		
Serving size		100 g
Amount per serving		
Calories		250
		% Daily Value*
Total Fat	0 g	0 %
Saturated Fat	0 g	0 %
Trans Fat	0 g	
Cholesterol	0 mg	0 %
Sodium	140 mg	6 %
Total Carbohydrate	63 g	23 %
Dietary Fiber	0 g	0 %
Total Sugars	59 g	
Protein	0 g	
Vitamin D	0 mcg	0 %
Calcium	10.0 mg	0 %
Iron	0.9 mg	4 %
Potassium	110 mg	2 %
* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2000 calories a day is used for general nutrition advice.		

tu

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03908BTP3/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

13/07/2023

Page 01/02

1. Tên mẫu : MẬT XOÀI CÔ ĐẶC LOẠI 3
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 04/07/2023
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 04/07/2023 - 13/07/2023
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MTV HOÀNG THANH THÚY
Customer 3145 Ấp Bình Hòa, Xã Xuân Phú, Xuân Lộc, Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / *See page 02/02*
Test results

P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
DEPUTY HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Hữu Tín

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03908BTP3/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

13/07/2023

Page 02/02



7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 999.11)	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.2. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g Total aerobic plate count	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$ Less than
7.3. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$ Less than
7.4. E. Coli, CFU/g	ISO 16649 – 2 : 2001	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$ Less than
7.5. Staphylococcus aureus, CFU/g	AOAC 2019 (975.55)	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$ Less than
7.6. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/g Total yeasts & moulds	ISO 21527-2:2008	-	$1,8 \times 10^3$
7.7. Clostridium perfringens, CFU/g	ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$ Less than
7.8. Enterococci, CFU/g Streptococci faecal	ISO 7899-2:2000	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$ Less than
7.9. Pseudomonas aeruginosa, CFU/g	ISO 16266 : 2006	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$ Less than

Ghi chú/Notes: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony

ta

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.